

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44 /2021/HNGĐ- ST

Ngày: 28-6-2021.

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chau Khiêng Sóc

Ông Trần Duy Hiếu

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Liệu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Néang Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về “ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXX-ST ngày 09 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ 6, ấp Cây Me, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Hồng T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ 01, khóm 4, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (xin xét xử vắng mặt).

3. *Người phiên dịch tiếng Khmer:* Ông Chau Sóc Siên, Cán bộ trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh An Giang – Chi nhánh số 02 huyện Tri Tôn (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn ngày 03-3-2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim M trình bày: Vào năm 2017 chị và anh Lê Hồng T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn, sau khi kết hôn vợ chồng anh, chị về sống ấp Cây Me, xã Châu Lăng. Quá trình chung sống anh và chị có với nhau 01 con chung tên Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 16-2-2019, anh và chị hạnh phúc được một thời gian đầu, khoảng 1 năm sau phát sinh mâu thuẫn do từ gia đình, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, Chị M cho rằng

anh T không quan tâm chăm sóc gia đình, mỗi lần vợ chồng giận nhau anh T đòi ly hôn và bỏ nhà đi, mặc dù chị đã nhiều lần hàn gắn nhưng anh T không thay đổi, chị và anh T đã ly thân từ tháng 2/2021 đến nay. Nay chị không thể tiếp tục chung sống vợ chồng cùng anh T, chị Nguyễn Thị Kim M xin ly hôn với anh Lê Hồng T.

Về con chung: 01 con chung tên Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 16-2-2019 hiện đang sống cùng Chị M. Chị M xin được nuôi dưỡng con chung yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Lê Hồng T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Kim M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn anh, chị về chung sống tại ấp Cây Me, xã Châu Lăng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, sau đó có phát sinh mâu thuẫn, đã ly thân nhau từ tháng 02/2021 đến nay. Chị M xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn, xin được đoàn tụ để nuôi dưỡng con chung.

Về con chung: 01 con chung tên Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 16-2-2019 hiện đang sống cùng Chị M. Anh T yêu cầu được nuôi dưỡng chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với Tâm; xin được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh đồng ý ly hôn với Chị M; đồng ý không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật có liên quan.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật:

Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Chị M và anh T tự nguyện chung sống từ năm 2017 đăng ký kết hôn ngày 07/3/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn. Quá trình chung sống an, chị có phát sinh mâu thuẫn, sự việc đã diễn ra nhiều lần, nhận thấy không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân nên Chị M yêu cầu được ly hôn. Quá trình tố tụng, anh T không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên đến ngày 23/6/2021, anh T có đơn gửi Tòa án đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Chị M nên cần công nhận thuận tình này.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 16-2-2019, hiện cháu Huy đang sống cùng Chị M, Chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh T đồng ý giao cho Chị M nuôi và cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Do đó, cần buộc anh T cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Lê Hồng T cư trú tại thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, quan hệ tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim M và anh Lê Hồng T được xác lập trên cơ sở tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống vợ chồng, Chị M và anh T hạnh phúc được thời gian đầu và có với nhau 01 con chung tên Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 16-2-2019. Đến năm 2019 anh, chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh và chị đã ly thân từ tháng 2-2021 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục Chị M xin ly hôn anh T. Quá trình tố tụng tại Tòa án anh T không đồng ý ly hôn, tuy nhiên ngày 23-6-2021 anh T có đơn gửi đến Tòa án, anh đồng ý ly hôn với Chị M. Bên cạnh đó, theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, ngày 22-4-2021 tình trạng hôn nhân

giữa Chị M và anh T có xảy ra mâu thuẫn hay không ban áp không biết, anh T và Chị M đã sống ly thân được một thời gian.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa Chị M và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc Chị M xin ly hôn, anh T đồng ý là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm quy định của Luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị M là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: 01 con chung tên Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 16-2-2019 hiện đang sống cùng Chị M. Chị M xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh T đồng ý. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 16-2-2019 cho Chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do Chị M yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật, anh T đồng ý. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Chị M là phù hợp, do vậy Hội đồng xét xử quyết định buộc anh Lê Hồng T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 16-2-2019 định kỳ hàng tháng mỗi cháu bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định cho đến các cháu khi đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

[4] Về tài sản chung: Chị M và anh T, khai tự thỏa thuận, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị M và anh T, khai không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim M

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim M được ly hôn với anh Lê Hồng T

Giấy chứng nhận kết hôn số 25, ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 16-2-2019 cho chị Nguyễn Thị Kim M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Hồng

T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 16-2-2019 định kỳ hàng tháng, bằng ½ tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định, cho đến khi cháu Huy đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà Chị M đã nộp theo biên lai thu số 0006666 ngày 03 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Anh Lê Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn
Huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Nữ Ngọc Lan